



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG AoV
AOV QUALITY ASSURANCE JOINT STOCK COMPANY

GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO TRÌ
CERTIFICATE OF MAINTENANCE

Ngày/ Date:

Số/ N^o: **A1049203601**

Trang/ Page: 1/3

1. Phương tiện đo/ Object: **NHIỆT ẨM KẾ/ THERMO-HYGROMETER**

2. Hãng sản xuất/ Manufacturer: **BEURER**

3. Kiểu/ Model: **HM 16**

4. Số hiệu/ SN: **NA**

5. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification:

+ Độ phân giải nhiệt độ/ Resolution: **0,1 °C**

+ Độ phân giải độ ẩm/ Resolution: **1 %RH**

+ Thang đo nhiệt độ/ Temperature range: **[0 ÷ 50] °C**

+ Thang đo độ ẩm/ Humidity range: **[20 ÷ 95] %RH**

+ Loại nhiệt ẩm kế/ Type: **Digital**

6. Khách hàng/ Customer: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG AoV**

7. Địa chỉ/ Address: **Tầng 4, 130 Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hà Nội**

8. Nơi bảo trì/ Place of maintenance: **Phòng hiệu chuẩn 1**

9. Địa chỉ/ Address: **Tầng 4, 130 Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hà Nội**

10. Phương pháp bảo trì/ - Maintenance method: **A-00 - /**

11. Chuẩn sử dụng/ Standards Used:

Chuẩn/ Standards	Mã nhận dạng/ ID	Liên kết chuẩn/ Traceable to	Hiệu lực đến/ Due date
Tủ nhiệt ẩm chuẩn / Temperature and Humidity Cabinet	TB-104	AoV	04/2026
Nhiệt ẩm kế chuẩn / Datalogger for Humidity and Temperature	TB-66	VMI	03/2026

12. Môi trường bảo trì/ maintenance environment:

Nhiệt độ/ Temperature: **[24,5 ÷ 24,7] °C**

Độ ẩm/ Humidity: **[59,2 ÷ 59,8] %RH**

13. Ngày bảo trì/ Date of maintenance: **04/07/2025**

14. Ngày bảo trì lại theo yêu cầu của khách hàng/
Remaintenance date as request of customer: **04/07/2026**

15. Tem bảo trì/ maintenance label: **A601**

1. Kết quả bảo trì ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được bảo trì trên đây.
The maintenance results in this certificate are applicable to the above maintenance instrument only.

2. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.

3. Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
Name of customer is written as customer's request.



GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO TRÌ
CERTIFICATE OF MAINTENANCE

Ngày/ *Date*:

Sõ/ N^0 : A1049203601

Trang/ Page: 2/3



KẾT QUẢ BẢO TRÌ/ RESULTS OF MAINTENANCE

20,25,30;40,60,80 1 1 1 20 20 20

1. Độ chính xác nhiệt độ/ *Accuracy of temperature*

Giá trị chuẩn, °C/ Reference value, °C	Giá trị chỉ thị, °C/ Indication value, °C	Sai số, °C/ Error, °C	U⁽¹⁾, °C/ Uncertainty, °C
24,90	24,6	-0,30	0,54

2. Độ chính xác độ ẩm/ *Accuracy of humidity*

Giá trị chuẩn, %RH/ Reference value, %RH	Giá trị chỉ thị, %RH/ Indication value, %RH	Sai số, %RH/ Error, %RH	U⁽¹⁾, %RH/ Uncertainty, %RH
69,83	71	+1,17	2,6

(1): Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số mở rộng $k = 2$, mức tin cậy $P = 0,95$ /
Expanded uncertainty of measurement is stated as standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k=2$, which for a normal distribution corresponds to a probability of approximately 95%.

I. KIỂM TRA TRƯỚC BẢO TRÌ/ PRE-MAINTENANCE CHECK

- Kiểm tra tính nguyên vẹn của thiết bị./ *Check the integrity of the device.*
- Kiểm tra hiển thị bình thường./ *Check normal display.*

II. TIẾN HÀNH BẢO TRÌ/ CONDUCTING MAINTENANCE

- Dùng khăn sạch thấm cồn lau sạch sẽ toàn bộ bề mặt xung quanh thiết bị./ *Use a clean cloth soaked in alcohol to wipe the entire surface around the device.*
- Lắp pin và mở nguồn thiết bị./ *Insert the battery and power on the device.*
- Kiểm tra độ phản hồi các phím bấm./ *Check the response of the keys.*
- Kiểm tra các chức năng của thiết bị./ *Check the functions of the equipment.*

III. KIỂM TRA SAU BẢO TRÌ/ *POST-MAINTENANCE CHECK*

- Kiểm tra thiết bị vẫn đang hoạt động bình thường./ *Check the device is still working properly.*
 - Đặt nhiệt ẩm kế vào tủ nhiệt ẩm để kiểm tra độ chính xác./ *Put the hygrometer in the standard cabinet to check the error of the hygrometer after testing.*

IV. KẾT QUẢ SAU BẢO TRÌ/ RESULT AFTER MAINTENANCE

- Kết quả kiểm tra sau bảo trì/ *Post-maintenance inspection results: Xem bảng kết quả/ See results table*
 - Kết luận: Thiết bị hoạt động bình thường/ *Conclusion: The device works normally.*

Liên kết chuẩn/ Traceability

- Các kết quả hiệu chuẩn của AoV cho các phép đo được công nhận trong giấy chứng nhận hiệu chuẩn này được liên kết tới Hệ Đo lường Quốc tế (SI) thông qua Viện Đo lường Việt Nam (VMI) hoặc phòng hiệu chuẩn áp dụng ISO/IEC 17025:2017 được ILAC công nhận./ The AoV's calibration result for the accredited measurements in this calibration certificate are traceable to the International System of Unit (SI) through a National Metrology Institute (VMI) or an ILAC recognized ISO/IEC 17025:2017 calibration laboratory.
- Hệ đơn vị được sử dụng trong GCN hiệu chuẩn này tuân theo hệ đơn vị đo lường pháp định quy định trong “Luật đo lường 2011” và “Nghị định số 86/2012/NĐ-CP”./ The unit system used in this calibration certificate complies with the system of legal unit of measurement specified in “Law on Measurement 2011” and “Decree No.86/2012/NĐ-CP”.
- Độ không đảm bảo đo chuẩn được xác định theo tài liệu ISO/IEC GUIDE 98-3:2008- GUM:1995/ The standard uncertainty is determined according to the document: ISO/IEC GUIDE 98-3:2008- GUM:1995.

Thông tin thêm/ Other informations

1. Kết quả bảo trì ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được bảo trì trên đây.
The maintenance results in this certificate are applicable to the above maintenance instrument only.
2. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.
3. Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG AoV
AOV QUALITY ASSURANCE JOINT STOCK COMPANY

GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO TRÌ
CERTIFICATE OF MAINTENANCE

Ngày/ Date:

Số/ N^o: **A1049203601**

Trang/ Page: 3/3



- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ *This measuring instrument must not be used for quantifying goods or services in trade, payment, ensuring safety, protecting public health, environmental protection, inspection, judicial expertise, or other official activities.*

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ *This measuring instrument is not used directly to verify the measuring instrument of group 2.*

--- Hết/ End ---



1. Kết quả bảo trì ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được bảo trì trên đây.
The maintenance results in this certificate are applicable to the above maintenance instrument only.
2. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.
3. Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
Name of customer is written as customer's request.